

Số: **12121** /BCT-KH
V/v trả lời nội dung chất vấn
của Đại biểu Quốc hội tại
phiên chất vấn tại Hội trường

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2016

Kính gửi:

- Đại biểu Nguyễn Thanh Hiền;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An.

Tại phiên chất vấn và trả lời chất vấn trực tiếp tại Hội trường Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XIV, Đại biểu đã nêu vấn đề như sau:

"Tôi xin chuyển tới Bộ trưởng 2 câu hỏi:

Thứ nhất, được biết năm 2007 Bộ Công Thương có quyết định phê duyệt về quy hoạch phát triển công nghiệp phụ trợ đến 2010 và tầm nhìn đến 2020. Nhưng cho đến nay việc phát triển công nghiệp phụ trợ nước ta rất hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển. Từ thực tế đó, về trách nhiệm quản lý của bộ trong quá trình thực hiện quyết định đó và hiện nay đạt đến mức độ nào, kết quả ra sao. So với mục tiêu đặt ra ban đầu và những giải pháp sắp tới thúc đẩy vấn đề này phát triển trong thời gian tới.

Thứ hai, trong thời gian qua, hệ thống bán lẻ nước ta chưa được quan tâm đúng mức, hiện nay có nguy cơ bị thao túng và chiếm lĩnh thị trường, trách nhiệm quản lý của Bộ trong vấn đề này và giải pháp sắp tới như thế nào để thúc đẩy hệ thống bán lẻ của chúng ta phát triển. Xin cảm ơn Bộ trưởng".

Bộ Công Thương trân trọng cảm ơn ý kiến của Đại biểu. Do Bộ trưởng Bộ Công Thương không có điều kiện về thời gian để có thể trao đổi trực tiếp hết những nội dung được Đại biểu nêu tại Hội trường nên xin phép được báo cáo lại với Đại biểu về vấn đề nêu trên như sau:

1. Về vấn đề thứ nhất:

Về vấn đề phát triển công nghiệp hỗ trợ, Bộ Công Thương thống nhất với nhận định của Đại biểu về những hạn chế trong thời gian qua, chúng ta chưa đạt được mục tiêu đặt ra trong Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ cũng như chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển kinh tế đất nước.

Về đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu của của Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020 theo Quyết định số 34/2007/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), Bộ Công Thương xin báo cáo với Đại biểu cụ thể như sau:

a. Đối với ngành dệt may:

- Giai đoạn đầu 2007 - 2010:

Quy hoạch đề ra các mục tiêu cụ thể đối với ngành dệt may dựa trên năng lực cung ứng của 3 sản phẩm, nhóm sản phẩm chính gồm: vải dệt thoi; xơ, sợi; phụ liệu. Theo đó, mục tiêu về sản xuất xơ, sợi hoàn thành với năng lực sản xuất trong nước đã có thể đáp ứng được 50% nhu cầu xơ sợi, một phần đã được xuất khẩu. Sản xuất Vải dệt thoi và phụ liệu không đạt mục tiêu đề ra với năng lực sản xuất chỉ đáp ứng được 23% và 70% nhu cầu trong khi mục tiêu đặt ra tương ứng là 30% và 90%.

Về mục tiêu xây dựng 3 trung tâm nguyên phụ liệu dệt may ở Hưng Yên, Long An và Bình Dương, Đà Nẵng: Trong giai đoạn này, tại 3 khu vực này đã xuất hiện sự tập trung số lượng lớn các doanh nghiệp ngành dệt may, tiếp nhận các doanh nghiệp dệt, nhuộm, sản xuất phụ liệu từ các khu vực lân cận, đặc biệt là các doanh nghiệp từ nội thành các thành phố di dời tới. Tuy nhiên, việc phát triển các khu vực này thành trung tâm sản xuất nguyên phụ liệu chưa rõ nét do thiếu sự liên kết cũng như các dịch vụ hỗ trợ sản xuất.

- *Giai đoạn từ năm 2010 đến nay:*

Hiện tỷ lệ nội địa hóa đạt của các doanh nghiệp dệt may đạt khoảng 40%, nếu kể cả các dự án sẽ đưa vào vận hành trước năm 2018 sẽ đạt trên 45%, các phụ kiện khác khoảng 70%. Đến năm 2020, tỷ lệ có thể đạt trên 60%.

b. *Đối với ngành da giày:*

- *Giai đoạn đầu 2007 - 2010:*

Quy hoạch đã đề ra mục tiêu đáp ứng 40% nhu cầu nguyên phụ liệu ngành da giày vào năm 2010. Đến năm 2010, tỷ lệ sử dụng nguyên phụ liệu trong nước ngành da giày cũng đã đạt 40%, đạt mục tiêu đề ra. Công suất thuộc da đã đạt 270 triệu sqf (đơn vị đo tiêu chuẩn square feet) năm 2010 so với 120 triệu sqf cuối năm 2007, tăng thêm 150 triệu sqf, vượt mục tiêu sản xuất da đề ra là tăng thêm 40 triệu sqf.

- *Giai đoạn từ năm 2010 đến nay:*

Nguyên phụ liệu chiếm tới 68 - 75% trong cơ cấu giá thành sản phẩm giày dép, nhưng tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm này của doanh nghiệp Việt Nam hiện chỉ đạt 40 - 45%. Cụ thể, đối với da thuộc thành phẩm, hiện tỷ lệ nội địa hóa ước tính dưới 30%. Trong đó, doanh nghiệp thuộc da trong nước chủ yếu là các doanh nghiệp tư nhân, có các xưởng thuộc da nhỏ và vừa, chỉ sử dụng nguồn da nguyên liệu (raw hides) trong nước. Do chất lượng thấp nên da thuộc thành phẩm của các doanh nghiệp này hầu như chỉ dùng để sản xuất các mặt hàng tiêu dùng nội địa, không đạt tiêu chuẩn làm hàng xuất khẩu.

Hiện tỷ lệ nội địa hoá da tổng hợp, da nhân tạo đạt khoảng 35%. Hiện Việt Nam vẫn phải nhập khẩu phần lớn nguyên liệu mũ giày (giả da, da nhân tạo, da tráng PU) từ Đài Loan, Hàn Quốc và Trung Quốc. Một số doanh nghiệp trong LEFASO đã xúc tiến đầu tư, xây dựng nhà máy sản xuất PU.

Đối với vải làm giày dép, Việt Nam mới chỉ cung ứng được vải cho sản xuất loại giày vải cấp thấp. Ngành dệt vải Việt Nam chưa chú trọng sản xuất vải dùng

cho ngành giày dép. Do đó, các chủng loại vải cao cấp đều phải nhập khẩu. Tỷ lệ nội địa hoá vải làm mũ giày hiện đạt trên 70%.

c. Đối với ngành điện tử - tin học:

- Giai đoạn đầu 2007 - 2010:

Về mục tiêu xây dựng ngành CNHT cho công nghiệp điện tử theo xu hướng tham gia vào chuỗi sản xuất và cung ứng linh kiện của thế giới và khu vực và thu hút đầu tư nước ngoài vào sản xuất. Đến nay, Việt Nam đã thu hút được số lượng khá lớn các doanh nghiệp đầu tư vào ngành điện tử, trong đó có các Tập đoàn đa quốc gia nổi tiếng trong lĩnh vực này như Samsung, Intel, Foxconn... đầu tư sản xuất sản phẩm tại Việt Nam. Các doanh nghiệp này cùng với các nhà đầu tư FDI vừa và nhỏ chuyên sản xuất linh kiện cung ứng tại chỗ đã bước đầu hình thành hệ thống chuỗi cung ứng ngay trên lãnh thổ Việt Nam, tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi sản xuất. Tuy nhiên, ở đây cũng cần thẳng thắn đánh giá rằng, bên cạnh việc thu hút được nhiều doanh nghiệp FDI lớn vào Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực này thì sự tham gia của các doanh nghiệp trong nước để gắn kết, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu còn nhiều hạn chế. Đây là khâu yếu cần được tập trung xử lý trong thời gian tới.

Về mục tiêu phát triển hệ thống các doanh nghiệp sản xuất, thiết kế sản phẩm điện tử: Trong giai đoạn này, hệ thống này vẫn chưa hình thành, các tập đoàn lớn đầu tư tại Việt Nam chủ yếu tập trung vào khâu sản xuất lắp ráp, ít đầu tư vào khâu thiết kế, nghiên cứu và triển khai; hệ thống doanh nghiệp điện tử trong nước ít, không cạnh tranh được với các tập đoàn đa quốc gia nên cũng đang giảm dần các khâu sản xuất, thiết kế, tập trung vào một số khâu gia công, sản xuất linh kiện có lợi thế.

Về mục tiêu tỷ trọng cho phí nguyên vật liệu trong nước trong giá thành sản phẩm đạt 22 - 25% không hoàn thành, tỷ trọng nguyên vật liệu điện tử trong nước tới nay chỉ đạt khoảng 15% do toàn bộ các loại vật liệu điện tử và hầu hết linh kiện cơ bản vẫn đang phải nhập khẩu.

- Giai đoạn từ năm 2010 đến nay:

Đối với điện tử gia dụng, cung ứng trong nước tới nay mới chỉ đạt được khoảng 30 - 35% cho nhu cầu linh kiện và đối với ô tô, xe máy tới nay mới đạt khoảng 40% (chủ yếu cho sản xuất xe máy).

Đối với điện tử tin học, viễn thông tới nay chỉ đạt 15%, điện tử chuyên dụng và các ngành công nghiệp công nghệ cao chỉ đạt 5%. Đầu tư FDI chiếm trên 80% số doanh nghiệp sản xuất linh kiện phụ tùng của Việt Nam, tập trung vào linh kiện điện - điện tử và linh kiện kim loại.

d. Đối với ngành sản xuất và lắp ráp ô tô:

- Giai đoạn đầu 2007 - 2010:

Tỷ lệ sử dụng linh kiện trong nước đối với các mẫu xe tải, xe khách, xe con đều không đạt mục tiêu đề ra, tỷ lệ sử dụng linh kiện trong nước đối với xe tải, xe khách chỉ đạt 40%, xe con đạt dưới 15% so với mục tiêu đề ra tương ứng là 60% và 15%.

Quy hoạch cũng đề mục tiêu xây dựng hệ thống tiêu chuẩn linh kiện cho ô tô sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn chung của khu vực vào năm 2015. Trong giai đoạn này, việc xây dựng hệ thống tiêu chuẩn này chưa được triển khai, các nhà sản xuất linh kiện cho ô tô vẫn sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế hoặc tiêu chuẩn riêng của nhà sản xuất lắp ráp mà không sử dụng các hệ tiêu chuẩn của Việt Nam.

- Giai đoạn từ năm 2010 đến nay:

Các chủng loại xe tải, xe khách từ 10 chỗ ngồi trở lên, xe chuyên dụng sản xuất trong nước đã đạt tỷ lệ nội địa hóa cao, đạt mục tiêu đề ra đáp ứng về cơ bản thị trường nội địa (xe tải đến 07 tấn đáp ứng khoảng 70% nhu cầu, với tỷ lệ nội địa hóa trung bình 55%; xe khách từ 10 chỗ ngồi trở lên, xe chuyên dụng đáp ứng khoảng 90% nhu cầu, với tỷ lệ nội địa hóa đạt từ 45% đến 55% vượt chỉ tiêu so với qui hoạch).

Tuy vậy, về tỷ lệ nội địa hoá đối với xe cá nhân đến 9 chỗ ngồi, mục tiêu đề ra là 40% vào năm 2005, 60% vào năm 2010, nhưng đến nay ta mới đạt bình quân khoảng 7 - 10%. Ngành công nghiệp hỗ trợ công nghiệp ô tô đã hình thành, nhưng còn yếu kém, chỉ sản xuất được một số ít chủng loại phụ tùng đơn giản, có hàm lượng công nghệ thấp như gương, kính, ghế ngồi, bộ dây điện, ốc quy, sãm, lốp, sản phẩm nhựa... Chỉ một số ít doanh nghiệp đầu tư dây chuyền dập thân, vỏ xe. Chưa tạo được sự hợp tác - liên kết và chuyên môn hoá giữa các doanh nghiệp trong sản xuất - lắp ráp ô tô và sản xuất phụ tùng linh kiện. Chưa hình thành được hệ thống các nhà cung cấp nguyên vật liệu và sản xuất linh kiện quy mô lớn.

đ. Đối với ngành cơ khí chế tạo:

- Giai đoạn đầu 2007 - 2010:

Mục tiêu quy hoạch đề ra là đến năm 2010 đáp ứng 50% nhu cầu nội địa về phôi đúc, rèn và chi tiết quy chuẩn. Tuy nhiên, trong giai đoạn này tỷ lệ đáp ứng của ngành cơ khí đối với các sản phẩm này chỉ đạt khoảng 20%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu Quy hoạch đề ra.

- Giai đoạn từ năm 2010 đến nay:

Đối với máy kéo: Đã sản xuất được máy kéo 2 bánh công suất 22 - 26 mã lực, đáp ứng nhu cầu trong nước (với tỷ lệ nội địa hóa đến 90%). Mới sản xuất được máy kéo 4 bánh cỡ trung công suất 22 - 26 mã lực (với tỷ lệ nội địa hóa đến 90%), chưa đạt mục tiêu sản xuất được máy kéo 4 bánh công suất 50-80 mã lực.

Đối với máy nông nghiệp: Một số doanh nghiệp như Tổng Công ty Veam; Sinco, Bùi Văn Ngọ, Cơ khí VINA Nha Trang đã đáp ứng nhu cầu trong nước về các loại máy nông nghiệp và phụ tùng cho các loại máy: máy xay xát lúa gạo, cà phê, máy sấy, máy canh tác. Tuy nhiên chúng ta chưa đạt mục tiêu xây dựng chuyên ngành chế tạo máy nông nghiệp đủ mạnh, bao gồm máy canh tác, máy chế biến và thiết bị bảo quản các sản phẩm nông nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước, từng bước xuất khẩu.

Đối với máy công cụ: Tới nay, trong nước mới chỉ sản xuất được các loại máy công cụ cơ bản (máy tiện, phay bào, mài, khoan...) với phần lớn hệ thống điều khiển tích hợp từ sản phẩm nhập khẩu; chưa thiết kế, chế tạo được các loại máy công cụ CNC hoàn chỉnh để đáp ứng nhu cầu của ngành cơ khí.

Đối với cơ khí xây dựng: Hiện nay Việt Nam chưa chế tạo được các loại máy xây dựng có độ phức tạp cao, hiện đại mà thị trường trong nước và nước ngoài có nhu cầu như: máy xúc, máy ủi, máy đào máy san...

Đối với thiết bị điện: Đã sản xuất được máy biến áp đến 500MVA và các thiết bị trạm biến áp đến 220kV, cơ bản đáp ứng mục tiêu đề ra.

Về các giải pháp để giải quyết các vấn đề hạn chế trong phát triển công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam thời gian tới, Bộ Công Thương xác định tập trung vào những nhóm giải pháp chủ yếu như sau:

a. Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung Quyết định số Quyết định số 9028/QĐ-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, theo đó:

- Xây dựng và phát triển công nghiệp hỗ trợ đảm bảo thực hiện mục tiêu đến năm 2020 phát triển các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ có khả năng cạnh tranh cao, đáp ứng được 45% nhu cầu thiết yếu cho sản xuất, tiêu dùng trong nội địa và xuất khẩu 25% giá trị sản xuất công nghiệp. Đến năm 2030, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ đáp ứng được 70% nhu cầu cho sản xuất, tiêu dùng trong nội địa.

- Đến năm 2020, Việt Nam có khoảng 1.000 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ đủ năng lực cung ứng cho các doanh nghiệp lắp ráp và tập đoàn đa quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam. Đến năm 2030, phấn đấu đạt khoảng 2.000 doanh nghiệp.

- Đến năm 2020, giá trị sản xuất công nghiệp của công nghiệp hỗ trợ chiếm khoảng 11% giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành công nghiệp; đến năm 2030, chiếm khoảng 14% giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành công nghiệp.

- Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ thuộc ba lĩnh vực chủ yếu:

+ Lĩnh vực linh kiện phụ tùng: phát triển linh kiện phụ tùng kim loại, linh kiện phụ tùng nhựa - cao su và linh kiện phụ tùng điện - điện tử, đáp ứng mục tiêu đến năm 2020 cung ứng được 60% nhu cầu sản phẩm linh kiện phụ tùng cho các ngành công nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam. Trong đó giá trị xuất khẩu các sản phẩm linh kiện phụ tùng chiếm 30% tổng giá trị sản xuất công nghiệp trong lĩnh vực này. Đến năm 2030, cung ứng được 80% nhu cầu trong nước, đẩy mạnh sản xuất các lĩnh vực sản phẩm phục vụ các ngành công nghiệp công nghệ cao.

+ Lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may - da giày: Phát triển nguyên vật liệu và phụ liệu phục vụ ngành dệt may - da giày, đáp ứng mục tiêu đến năm 2020, tỷ lệ cung cấp trong nước của ngành công nghiệp dệt may đạt 65%, ngành da giày đạt 75 - 80%, với các sản phẩm có giá trị gia tăng cao phục vụ sản xuất xuất khẩu.

+ Lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao: Phát triển sản xuất vật liệu, thiết bị hỗ trợ chuyên dụng, phần mềm và dịch vụ phục vụ các ngành công nghiệp công nghệ cao; phát triển hệ thống doanh nghiệp cung cấp thiết bị hỗ trợ chuyên dụng, hỗ trợ chuyển giao công nghệ trong công nghiệp công nghệ cao. Hình thành các doanh nghiệp bảo trì, sửa chữa máy móc đạt tiêu chuẩn quốc tế, làm tiền đề phát triển doanh nghiệp sản xuất thiết bị, phần mềm phục vụ các ngành này. Hình thành hệ thống nghiên cứu phát triển và sản xuất vật liệu mới, đặc biệt là vật liệu điện tử.

b. Xây dựng các chính sách mới phù hợp và hiệu quả hơn:

Bộ Công Thương đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 về phát triển công nghiệp hỗ trợ, trong đó xác định 06 ngành ưu tiên phát triển, gồm: Dệt may, Da - giày, Điện tử, Sản xuất lắp ráp ô tô, Cơ khí chế tạo và công nghiệp hỗ trợ cho các ngành công nghiệp công nghệ cao. Cùng với đó là các quy định ưu đãi, hỗ trợ thiết thực cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo Phụ lục kèm theo Nghị định. Bên cạnh đó, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận với các ưu đãi quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP.

Trong thời trước mắt, Bộ Công Thương đang khẩn trương tiến hành xây dựng Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện đối với Chương trình. Dự kiến sau khi Chương trình được ban hành, các doanh nghiệp sẽ có điều kiện tiếp cận với các hỗ trợ từ phía nhà nước đối với việc sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ một cách thuận lợi nhất.

Về dài hạn, nghiên cứu, đề xuất xây dựng các chính sách để ban hành Luật riêng về phát triển công nghiệp hỗ trợ. Dự kiến Luật sẽ giải quyết các vấn đề lớn hiện nay trong chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ như tín dụng đầu tư cho doanh nghiệp, các hỗ trợ về nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, quản trị hệ thống sản xuất, tổ chức sản xuất theo cụm nhóm (cluster) để tạo lợi thế cạnh tranh... nhằm tạo ra cơ chế đủ mạnh để thúc đẩy sự phát triển của công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam.

c. Tiếp tục triển khai Nghị định số 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ, trong đó tập trung làm tốt các cơ chế, chính sách về:

- Sớm hoàn thiện đầu tư xây dựng hệ thống Trung tâm phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Ban hành Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ với nguồn kinh phí đủ, đảm bảo để triển khai các hoạt động nhằm phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, gồm:

+ Chương trình tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống quản lý quốc tế trong việc quản trị doanh nghiệp.

+ Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng ở trong và ngoài nước; xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

+ Chương trình hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

+ Chương trình hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng và vật liệu

+ Chương trình xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ trong và ngoài nước trên trang thông tin điện tử chuyên về công nghiệp hỗ trợ.

d. Tập trung thực hiện các hoạt động nhằm tạo thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước phát triển, cụ thể:

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về CNHT (ngày 01 tháng 11 năm 2016, Bộ Công Thương đã khai trương Trang thông tin điện tử về công nghiệp hỗ trợ - www.support.gov.vn. Nội dung dữ liệu của trang thông tin nhằm giới thiệu chung về ngành công nghiệp hỗ trợ; các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản liên quan đến hoạt động của ngành. Cùng với đó, trang thông tin sẽ giới thiệu các thông tin về dự án, đề án đã và sẽ thực hiện cũng như danh mục địa chỉ thư điện tử của ngành công nghiệp hỗ trợ... Đây là cầu nối của cơ quan nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp).

- Chủ động tìm kiếm, hợp tác với các đối tác đặc biệt là đối tác nước ngoài nhằm mở rộng thị trường cho CNHT trong nước.

- Kêu gọi nguồn tài trợ ODA để hình thành Quỹ phát triển công nghiệp hỗ trợ nhằm giải quyết các khó khăn về tín dụng cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực CNHT đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Hợp tác với các nước (trước mắt là Hàn Quốc) để tiến hành đào tạo nguồn nhân lực và chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp CNHT, đồng thời kết nối các doanh nghiệp CNHT trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài.

- Tăng cường hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện việc xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm CNHT thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận với các chính sách ưu đãi một cách nhanh chóng và thuận lợi nhất.

2. Về vấn đề thứ hai:

Về vấn đề phát triển hệ thống phân phối hàng hóa trong nước và sự tham gia của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực này. Trong những năm gần đây, hoạt động đầu tư thông qua hình thức mua bán, sáp nhập (M&A) trong lĩnh vực phân phối hàng hóa được đề cập nhiều, trong đó điển hình là các thương vụ mua bán doanh nghiệp, góp vốn, chuyển nhượng cổ phần. Trong đó,

có thông tin cho rằng hệ thống bán lẻ trong nước đang bị thâm tóm bởi các nhà đầu tư nước ngoài thông qua hoạt động M&A này và như Đại biểu đề cập.

- Liên quan đến đầu tư từ nước ngoài, các thương vụ M&A trong lĩnh vực phân phối thời gian qua có thể chia thành các loại sau:

(i) Doanh nghiệp FDI hoạt động trong lĩnh vực phân phối bán lại cho nhà đầu tư nước ngoài (như Metro, Big C Việt Nam): Đây là việc chuyển nhượng của chủ đầu tư nước ngoài này sang các chủ đầu tư nước ngoài khác.

(ii) Các thương vụ chuyển nhượng cổ phần của doanh nghiệp bán lẻ vốn trong nước cho nhà đầu tư nước ngoài, như: Điện máy Nguyễn Kim chuyển nhượng 49% cổ phần cho Central Group (Thái Lan); Điện máy Trần Anh chuyển nhượng gần 31% cổ phần cho Nojima (Nhật Bản), Citimart chuyển nhượng 49% cổ phần và Fivimart chuyển nhượng 30% cổ phần cho Aeon Nhật Bản: Đây đều là các thương vụ chuyển nhượng dưới 51% cổ phần và quyền quyết định thuộc về các doanh nghiệp trong nước.

Ngoài thương vụ có quy mô tương đối lớn (với việc thay đổi nhà đầu tư nước ngoài là Metro và Big C, các vụ chuyển nhượng còn lại cho đến nay là không đáng kể về cả quy mô vốn góp và số lượng cơ sở bán lẻ.

- Đối với đầu tư trong nước, thời gian qua chủ yếu diễn ra ở một số thương vụ của Vingroup mua lại chuỗi siêu thị của Ocean Mart, Vinatextmart và Maximark. Sự “thâm tóm” hay “thao túng” này, đặc biệt là sự phát triển của các trung tâm thương mại “Vincom Center”, chuỗi siêu thị “VinMart” và chuỗi cửa hàng tiện lợi “VinMart+”, chuỗi cửa hàng điện máy “VinPro” của Tập đoàn Vingroup một số năm gần đây cùng với các thương hiệu bán lẻ của doanh nghiệp bán lẻ FDI (như Big C, Lotte Mart, Aeon...) đã làm cho hệ thống bán lẻ nước ta có bước phát triển đáng kể theo hướng hiện đại, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người tiêu dùng ở Việt Nam.

Trong nền kinh tế thị trường gắn liền với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, hoạt động M&A trong nền kinh tế nói chung, lĩnh vực phân phối hàng hóa nói riêng là xu hướng khó tránh khỏi, dù là đầu tư trong nước hay đầu tư từ nước ngoài, chủ thể đến từ Thái Lan, Nhật Bản hay bất kỳ từ nước hoặc vùng lãnh thổ nào khác. Thực tế cho thấy đối với đầu tư nước ngoài, hoạt động M&A này có một số tác động tích cực. Điều đó thể hiện khá rõ đối với các doanh nghiệp bán lẻ trong nước khi chọn nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, liên doanh đầu tư kinh doanh (như Fivimart, Citimart, Trần Anh) trong việc đổi mới hình ảnh bên ngoài (như kết hợp thương hiệu: Aeon-Citimart, Aeon-Fivimart) đến hoạt động bên trong thông qua việc học tập từ sự truyền dạy của chuyên gia nước ngoài cho lao động người Việt cả trực tiếp và gián tiếp. Đồng thời, bản thân hàng Việt cũng được đòi hỏi để đổi mới, nâng cao từ chất lượng, mẫu mã, bao gói... cắt giảm chi phí để cạnh tranh với hàng ngoại... Việc nhập hàng ngoại cũng phải lựa chọn để phù hợp với thị hiếu, chất lượng và khả năng thanh toán của đông đảo khách hàng Việt Nam.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tới nay khu vực FDI bán lẻ đang chiếm một tỷ lệ nhỏ, khoảng dưới 4% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa cả nước (cụ thể

năm 2011: 2,9%, 2012: 2,9%, 2013: 3,9%, 2014: 3,9%, và năm 2015: 3,79 %). Tuy nhiên, chúng ta cũng luôn xác định cần có sự thận trọng và chủ động trong việc tham gia của các doanh nghiệp FDI bán lẻ vào thị trường nội địa, qua đó có định hướng và giải pháp phù hợp trước tác động tiêu cực tiềm ẩn tới sự phát triển của thị trường bán lẻ trong nước, nhất là khi các doanh nghiệp FDI tăng cường mở rộng đầu tư, kể cả thông qua hình thức mua lại doanh nghiệp hoặc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp bán lẻ trong nước. Vì vậy, Bộ Công Thương thống nhất với ý kiến của Đại biểu về sự quan ngại trước tác động tiêu cực và vấn đề có thể phát sinh của đầu tư nước ngoài đối với thị trường bán lẻ trong nước.

Về các chính sách thúc đẩy sự phát triển thương mại trong nước nói chung và lĩnh vực bán lẻ nói riêng thời gian qua, Bộ Công Thương xin báo cáo với Đại biểu như sau:

- Với trách nhiệm quản lý của mình, Bộ Công Thương (trước đây là Bộ Thương mại) đã trực tiếp khảo cứu, xây dựng đề án, trình Bộ Chính trị, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, ban hành một số cơ chế, chính sách thể hiện quan điểm, định hướng, giải pháp và dự án hỗ trợ, khuyến khích phát triển thương mại trong nước, trong đó có phát triển hệ thống bán lẻ. Trong đó bao gồm một số văn bản chủ yếu sau đây:

(1) Nghị quyết số 12/NQ-TW ngày 03/01/1996 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động thương nghiệp, phát triển thị trường theo định hướng XHCN”;

(2) Quyết định số 311/QĐ-TTg ngày 20/3/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Tiếp tục tổ chức thị trường trong nước, tập trung phát triển thương mại nông thôn đến năm 2010”;

(3) Chỉ thị số 13/2004/CT-TTg ngày 31/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số giải pháp chủ yếu nhằm phát triển mạnh thị trường nội địa;

(4) Quyết định số 27/2007/QĐ-TTg ngày 15/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Phát triển thương mại trong nước đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020”;

(5) Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Phát triển thương mại nông thôn giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020”;

(6) Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ;

(7) Các quy hoạch liên quan tới phát triển kết cấu hạ tầng thương mại như chợ, siêu thị, trung tâm thương mại...

- Tuy vậy, thực tế cho thấy, trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế thế giới và mở cửa dịch vụ phân phối theo cam kết với Tổ chức

Thương mại thế giới, lĩnh vực phân phối bán lẻ nước ta vẫn đang tồn tại những hạn chế khá cơ bản, trong đó có vấn đề về hạ tầng thương mại bán lẻ nhìn chung vẫn còn yếu kém và lạc hậu, chưa đáp ứng được so với đòi hỏi phát triển của ngành và phát triển của thị trường, đại bộ phận doanh nghiệp là nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh...

Về những giải pháp sắp tới để thúc đẩy thương mại trong nước (trong đó có bán lẻ) phát triển. Trên cơ sở xác định và nâng cao nhận thức về vai trò của thương mại trong nước, trong đó có hoạt động bán lẻ hàng hóa đối phát triển kinh tế đất nước và trong khuôn khổ không vi phạm các cam kết mở cửa thị trường, Bộ Công Thương đã, đang triển khai và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý đối với đầu tư nước ngoài và phát triển hệ thống bán lẻ trong nước, như sau:

a. Về phía nhà nước:

- Tiếp tục rà soát các cam kết quốc tế và pháp luật trong nước, sớm hoàn thiện các quy định có liên quan đến hoạt động phân phối nhằm bảo vệ tối đa quyền và lợi ích mà Việt Nam đã đạt được trong các cam kết quốc tế. Hiện Bộ Công Thương đang hoàn thiện trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 23/2007/NĐ-CP về hoạt động mua bán hàng hóa... của doanh nghiệp FDI nhằm quản lý chặt chẽ, hiệu quả hơn nữa lĩnh vực phân phối, tạo dư địa cho doanh nghiệp phân phối trong nước có điều kiện phát triển.

- Bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về quản lý thuế, phòng ngừa và ngăn chặn hiệu quả hành vi chuyển giá của doanh nghiệp FDI mà không ảnh hưởng tới thu hút đầu tư nước ngoài; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, giá...

- Tiếp tục cải cách hành chính, đặc biệt trong lĩnh vực thuế, phí, rà soát các khoản thuế, phí còn trùng lặp, công khai minh bạch và tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong quá trình kê khai nộp thuế.

- Triển khai thực hiện quy định về ưu đãi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng liên quan đến hoạt động phân phối hàng hóa như thuộc danh mục ưu đãi đầu tư tại Nghị định số 118/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư. Từ đó, căn cứ vào quy hoạch kết cấu hạ tầng thương mại, các địa phương chủ động cung cấp thông tin về quy hoạch, bố trí quỹ đất thương mại, ưu tiên cho doanh nghiệp trong nước tiếp cận mặt bằng để chiếm giữ và phát triển hệ thống phân phối. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật có liên quan để khuyến khích thu hút và xã hội hóa nguồn vốn đầu tư vào kết cấu hạ tầng thương mại.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung một số chính sách về phát triển hạ tầng thương mại bảo đảm phát triển đồng bộ.

- Về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực phân phối, bán lẻ, do đây là ngành sử dụng nhiều lao động nên việc nâng cao chất lượng lao động trong ngành có ý nghĩa quan trọng việc thúc đẩy hiệu quả hoạt động của các chủ thể kinh doanh. Trong thời gian tới sẽ tiếp tục tập trung vào các hoạt động nhằm hỗ trợ về kỹ năng quản lý (cho lãnh đạo doanh

nghiệp, chủ cơ sở kinh doanh bán lẻ) cũng như đào tạo về kỹ năng chuyên môn cho lao động trong ngành.

- Tiếp tục thực hiện và nghiên cứu bổ sung các giải pháp có thể để hỗ trợ các doanh nghiệp bán lẻ trong nước về xúc tiến thương mại (nhất là xúc tiến phát triển thị trường trong nước), về ứng dụng công nghệ thông tin, về tư vấn pháp lý, về áp dụng công nghệ và kỹ năng quản lý từ các tập đoàn bán lẻ uy tín trên thế giới...

- Tiếp tục triển khai 3 nhóm chương trình hành động đã đề ra tại Quyết định số 634/QGG-TTg ngày 29/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2014 - 2020, bao gồm 12 chương trình cụ thể đã đề ra trong Quyết định này.

- Tiến hành rà soát, điều chỉnh hoặc xây dựng mới quy hoạch về phát triển kết cấu hạ tầng thương mại, làm cơ sở để các doanh nghiệp phân phối có thông tin trong việc phát triển hệ thống phân phối của mình.

- Ngoài ra, tiếp tục tăng cường phối hợp với các cơ quan truyền thông để phổ biến các cam kết quốc tế để cộng đồng doanh nghiệp sớm định hình được chiến lược kinh doanh phù hợp; và trao đổi, đối thoại trực tiếp trong quá trình hướng dẫn, giải thích và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp...

b. Về phía doanh nghiệp:

- Tăng cường sự liên kết giữa doanh nghiệp bán lẻ với các nhà sản xuất trong việc tạo nguồn hàng sản xuất trong nước với giá cả cạnh tranh bảo đảm đủ tiêu chuẩn chất lượng có thể thỏa mãn nhu cầu mua sắm tiêu dùng đa dạng và ngày càng cao ở Việt Nam để cung ứng cho các cơ sở bán lẻ nhằm giảm sự phụ thuộc vào hàng cùng loại nhập khẩu.

- Đối với cơ sở bán lẻ của hộ kinh, chủ yếu dựa trên cơ sở khuyến khích các doanh nghiệp bán lẻ trong nước có thương hiệu đủ mạnh đứng ra tập hợp, liên kết các cửa hàng thực phẩm và tạp hóa hiện hữu, hỗ trợ họ nâng cấp trang bị, thay đổi phương thức quản lý, cung cách phục vụ để hướng các cửa hàng này chuyển thành cửa hàng tiện lợi theo mô hình chuỗi thông qua phương thức nhượng quyền thương mại hoặc đầu tư trực tiếp (như mô hình gần đây của Vingroup đã mở được khoảng 800 cửa hàng Vinmart+...).

Bộ Công Thương xin trân trọng cảm ơn Đại biểu và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Vụ Công tác đại biểu - VPQH;
- Vụ Phục vụ hoạt động giám sát - VPQH; ✓
- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị: TTTN, CNNg;
- Lưu: VT, KH (2b).



Trần Tuấn Anh

